TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EA KAR** **TỈNH ĐẮK LẮK** --- *** ---	**CỘNG HÒA XÃ HÔI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ------***-----

Bản án số: 13/2017/DSST
Ngày 04/8/2017
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hải Bình**.**
2. Ông Nguyễn Quốc Vụ.

Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quốc Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Quế – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2017, tại Hội trường xét xử trụ sở Toà án nhân dân huyện Ea Kar, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 68/2017/TLST-DS ngày 15/5/2017, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2017/QĐXX-ST ngày 14/7/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê X; trú tại: 88R Phạm Hồng T, khu phố S, thị trấn Đ, huyện Đ, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn T và bà Lê Thị T; Trú tại: Thôn 1, xã S, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Phan Thị Ngọc M; trú tại: 88R Phạm Hồng T, khu phố S, thị trấn Đ, huyện Đ, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Ông Lê X là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (văn bản ủy quyền ngày 02/62017); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 10/5/2017, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê X (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trình bày có nội dung như sau:

Vào ngày 02/5/2014 vợ chồng ông X có cho vợ chồng ông Nguyễn T và bà Lê Thị T vay số tiền 141.000.000 đồng, khi vay không thế chấp tài sản, giấy tờ gì. Vợ chồng ông T, bà T có ký vào giấy vay tiền cho vợ chồng ông X. Thời hạn trả ngày

03/3/2015, khi vay trong giấy vay tiền không thỏa thuận lãi suất mà hai bên chỉ thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 2%/tháng tính từ ngày vay đến ngày trả và lãi được cộng dồn vào khi trả tiền gốc thì tính tiền lãi trả luôn. Quá trình vay thì vợ chồng ông T và bà T đã trả được hai lần tiền cụ thể ngày 17/8/2014 trả 10.000.000 đồng và ngày 08/01/2016 trả 10.000.000 đồng, tổng cộng là 20.000.000 đồng, số tiền này là trả tiền lãi. Sau đó thì không trả thêm khoản tiền nào nữa mặc dù vợ chồng ông X đòi rất nhiều lần.

Nay ông X khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông T, bà T trả cho vợ chồng ông X số tiền nợ gốc là 141.000.000 đồng. Về lãi suất thì đề nghị Tòa án tính theo quy định của pháp luật và trừ đi số tiền mà vợ chồng ông T đã trả nếu còn lại thì trừ vào tiền gốc, ngoài ra ông không có ý kiến, yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn T trình có nội dung như sau:

Vào ngày 02/5/2014, vợ chồng ông T có ký giấy vay tiền vợ chồng ông X với số tiền vay là 141.000.000 đồng, khi vay không thế chấp tài sản giấy tờ gì, thời hạn trả ngày 03/3/2015, khi vay không thỏa thuận lãi suất, quá trình vay thì mới trả được 20.000.000 đồng, cụ thể, ngày 17/8/2014 trả 10.000.000 đồng và ngày 8/01/2016 trả 10.000.0000 đồng, ngoài ra không trả được khoản nào thêm.

Nay ông Lê X khởi kiện thì ông T xác định ông có vay ông X 141.000.000 đồng là đúng, tuy nhiên ông đã trả được 20.000.000 đồng còn nợ lại 121.000.000 đồng, nay đồng ý trả số tiền này trong thời hạn 03 năm hoặc ông X lấy đất thì cấn trừ đất trả nợ. Về lãi suất xin không phải trả.

Tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thị T trình bày có nội dung như sau:

Bà đồng ý với lời trình bày của ông T, nay còn nợ 121.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền nay trong thời hạn 03 năm hoặc ông X lấy đất thì cấn trừ đất trả nợ. Về lãi suất xin không phải trả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Trong qúa trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 466 và Điều 468 bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn ông X buộc bị đơn ông T bà T trả cho nguyên đơn số tiền nợ là 121.000.000 đồng. Về lãi suất buộc bị đơn phải trả tiền lãi cho nguyên đơn theo mức 10%/năm từ ngày 03/3/2015 đến ngày 8/01/2016 đối với số tiền 131.000.000 đồng và từ ngày 09/01/2016 đến ngày giải quyết vụ việc đối với số tiền 121.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc là 141.000.000 đồng, hội đồng xét xử xét thấy vào ngày 02/5/2014, vợ chồng ông T, bà T có ký giấy vay tiền vợ chồng ông X với số tiền vay là 141.000.000 đồng, khi vay không thế chấp tài sản giấy tờ gì, thời hạn trả ngày 03/3/2015, quá trình vay mới trả được 20.000.000 đồng, cụ thể, ngày 17/8/2014 trả 10.000.000 đồng và ngày 8/01/2016 trả 10.000.0000 đồng, ngoài ra không trả được khoản nào thêm, do đó nay nguyên đơn ông Lê X khởi kiện là có căn cứ cần chấp nhận.

[2] Về lãi suất tại giấy vay tiền ngày 02/5/2014 không ghi lãi suất, bị đơn không thừa nhận vay có lãi suất nay nguyên đơn đều đề nghị tính lãi suất theo quy định của pháp luật căn cứ vào khoản 4 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005, quyết định số 2868 ngày 29/11/2010 quy định về lãi suất cơ bản của Ngân Hàng Nhà Nước là 9%/năm (0,75%/tháng) được tính cụ thể như sau: 141.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 09 tháng + 04 ngày = 9.658.500 đồng. (tính từ ngày 04/3/2015 đến ngày 08/01/2016).

10.000.000 đồng - 9.658.500 đồng = 341.500 đồng; 141.000.000 đồng – 341.500 đồng = 140.658.500 đồng.

140.658.500 đồng x 0,75%/tháng x 19 tháng = 20.043.000 đồng (tính từ ngày 09/01/2016 đến ngày xét xử là 19 tháng).

20. 043.000 đồng – 10.000.000 đồng = 10.043.000 đồng; Như vậy số tiền lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 10.043.000 đồng.

Do vậy cần buộc bị đơn ông Nguyễn T và bà Lê Thị T có trách nhiệm trả cho vợ chồng nguyên đơn ông Lê X và bà Phan Thị Ngọc M số tiền gốc và lãi là 150.701.500 đồng (trong đó gốc 140.658.500 đồng, lãi 10.043.000 đồng).

[3] Đối với ý kiến của bị đơn đồng ý trả số tiền nợ cho nguyên đơn nhưng xin thời hạn là 03 năm hoặc cấn trừ đất để trả nợ và xin không phải trả tiền lãi nhưng yêu cầu này nguyên đơn không chấp nhận, nên không có cơ sở để xem xét.

Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất chậm trả giai đoạn thi hành án khi đương sự có đơn yêu cầu.

[4] Đối với ý kiến của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa thì hội đồng xử xét thấy căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015, thì việc áp dụng pháp luật giải quyết trong vụ án này là Bộ luật dân sự năm 2005 do đó không chấp nhận quan điểm của đại diện viện Kiểm sát tại phiên tòa về việc buộc bị đơn trả số tiền gốc cũng như cách tính lãi.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, cụ thể án phí phải chịu là 150.701.500 đồng x 5% = 7.535.000 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền 6.063.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 0002712 ngày 10/5/2017.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 144, Điều 147, Điều 266 và Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Lê X.

Buộc bị đơn ông Nguyễn T và bà Lê Thị T có trách nhiệm trả cho ông Lê X và bà Phan Thị Ngọc M tổng số tiền nợ là 150.701.500 đồng (một trăm năm mươi triệu bảy trăm lẽ một ngàn năm trăm đồng), trong đó gốc: 140.658.500 đồng, lãi 10.043.000 đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tính lãi suất chậm trả giai đoạn thi hành án khi đương sự có đơn yêu cầu thi hành án.

Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn T bà bà Lê Thị T phải chịu 7.535.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Lê X số tiền tạm ứng án phí là 6.063.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 0002712 ngày 10/5/2017.

Các đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thị hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi ành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Eakar;
- CCTHADS huyện Eakar;
- Các đương sự;
- Lưu: HS +VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Lê Đình Thanh